

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2017

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1984; cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; cư trú tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Vào tháng 4 năm 2015, bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn H kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01/2015 ngày 02/11/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà ông H cuộc sống rất hạnh phúc nhưng đến ngày 20/12/2016 âm lịch thì bà và ông H không còn sống chung với nhau nữa vì không còn tình cảm để tiếp tục sống với nhau. Trong thời gian chung sống bà T và ông H có một con chung tên Nguyễn Trí L, sinh ngày 27/11/2015, hiện nay ông H đang nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.
- Về con chung: Bà Phạm Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trí L, sinh ngày 27/11/2015 cho đến tròn 18 tuổi, bà T không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 07 tháng 9 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, thời gian không còn sống chung, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như bà Phạm Thị T trình bày. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà T, ông H có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông H không đồng ý ly hôn với bà T vì muốn con chung có cuộc sống chung có cha, mẹ.
- Về con chung: Ông H không đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trí L, sinh ngày 27/11/2015 cho bà T nuôi dưỡng. Ông H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Trí L, sinh ngày 27/11/2015 cho đến tròn 18 tuổi, ông H không yêu cầu bà Phạm Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn. Về con chung cháu Nguyễn Trí L, sinh

ngày 27/11/2015 hiện nay đang sống chung với ông H, ông H chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ còn bà T thì hiện nay đi làm công nhân xa không có đầy đủ thời gian để chăm sóc cháu L nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn H.

[3] Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1984 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01/2015 ngày 02/11/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn H là hợp pháp.

[5] Xét lý do xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử thấy sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà T, ông H hạnh phúc được một thời gian, đến ngày 20/12/2016 âm lịch thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bà T và ông H không thể hàn gắn tình cảm với nhau được và ông, bà đã không còn sống chung với nhau từ ngày 20/12/2016 âm lịch cho đến nay. Ông, bà đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông, bà trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[6] Về con chung: Bà T và ông H đều có yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Trí L, sinh ngày 27/11/2015. Xét yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Trí L của bà T và ông H. Căn cứ theo khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Hiện nay, bà T đang đi làm công nhân tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và cư trú tại nhà trọ của

Công ty và bà trình bày là nếu bà được quyền nuôi con thì bà gửi con cho mẹ ruột của bà cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng chăm sóc cháu L, hàng tháng bà về nhà thăm con một lần và từ khi bà và ông H không còn sống chung đến ngày 07/9/2017 bà chưa lần nào đến gia đình ông H để thăm cháu L. Như vậy, bà T thiếu sự quan tâm, chăm sóc cháu L nên Hội đồng xét xử xét thấy bà T không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L. Từ khi bà T và ông H không còn sống chung từ ngày 20/12/2016 âm lịch cho đến nay thì cháu L do ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên về mặt tình cảm cháu L gắn bó với ông H nhiều hơn và từ khi sinh ra đến nay cháu L chung sống bên gia đình ông H và cũng để cho cháu L ổn định cuộc sống nên Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao cháu Nguyễn Trí L cho ông H nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi và giành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà T là phù hợp. Do yêu cầu được nuôi con chung cháu Nguyễn Trí L của ông H được chấp nhận nên yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Trí L của bà T không được chấp nhận.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trí L nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà T, không ai được quyền cản trở; bà T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông H.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H xác định là ông, bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Bà Phạm Thị T là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trí L, sinh ngày 27/11/2015 cho ông Nguyễn Văn H nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi. Bà Phạm Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Phạm Thị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông Nguyễn Văn H.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn H xác định là ông, bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/ 0006425 ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và như vậy bà Phạm Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THA dân sự huyện Trần Đề;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn